

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT

Ngày: 17/01/2019

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Huỳnh Châu Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm
Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà
Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm
2018 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án
nhân dân huyện LH bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2018/QĐ-PT ngày
10/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2018/QĐ-PT ngày 25/12/2018 của
Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Th, sinh năm: 1966;

Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Tổ Dân phố TT, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Chị Trần Thị Ánh L, sinh
năm: 1989;

Địa chỉ: Tổ Dân phố TT, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy
quyền lập ngày 18/5/2018).

- *Bị đơn:* Ông Tăng Ngọc L, sinh năm: 1975;

Bà Phạm Thị Ng, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số x, tổ dân phố ĐK, thị trấn ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LH theo
Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày
31/10/2018;

Theo kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Th.

(Chị L có mặt; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017, ngày 25/12/2017, ngày 12/4/2018 và lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T cũng như chị Trần Thị Ánh L đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, bố mẹ chị L là ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T có cho vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng vay nhiều lần với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng. Khi vay do là chỗ người thân nên không viết giấy tờ gì với nhau và cũng không tính lãi. Đến tháng 11/2017, thì để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên vợ chồng ông L, bà Ng với ông Th có lập giấy nhận nợ ngày 23/11/2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn ĐT, huyện ĐTr, tỉnh Lâm Đồng.

Tháng 08/2017, vợ chồng ông L, bà Ng có đến nhà vay của vợ chồng ông Th, bà T số tiền 7.350.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn. Khi vay thì bà Ng, ông L có viết giấy vay tiền ngày 20/8/2017, hạn đến ngày 20/12/2017 trả hết nợ. Số tiền này ông Th, bà T cho vay cũng không tính lãi.

Như vậy, tổng cộng số tiền hiện nay vợ chồng ông L, bà Ng còn nợ của ông Th, bà T là 12.350.000.000 đồng. Đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông L, bà Ng vẫn chưa trả tiền cho ông Th, bà T.

Nay vợ chồng ông Th, bà T khởi kiện yêu cầu ông L, bà Ng phải trả cho ông, bà số tiền nợ gốc là 12.350.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Th, bà T không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng cũng như ông Hoàng Thế Nh là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày:

Việc vợ chồng ông L, bà Ng có vay tiền và nợ tiền của ông Th, bà T như chị L trình bày là đúng, cụ thể:

Tháng 08/2017, vợ chồng ông L, bà Ng có đến nhà vay của vợ chồng ông Th, bà T số tiền 7.350.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn. Khi vay thì bà Ng, ông L có viết giấy vay tiền ngày 20/8/2017, hạn đến 20/12/2017 trả hết nợ. Số tiền này ông Th, bà T cho vay không tính lãi.

Ngoài ra, năm 2016 ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T có cho vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng vay số tiền 5.000.000.000 đồng. Khi vay do là chỗ người thân nên không viết giấy tờ gì với nhau và cũng không tính lãi. Đến ngày 23/11/2017 thì vợ chồng ông L, bà Ng với ông Th lập giấy nhận nợ có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn ĐT, huyện ĐTr, Lâm Đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền hiện nay vợ chồng ông L, bà Ng xác nhận còn nợ của ông Th, bà T là 12.350.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông Th, bà T khởi kiện thì ông L, bà Ng đồng ý trả cho ông Th, bà T số tiền nợ gốc là 12.350.000.000 đồng.

Đối với số tiền 2.800.000.000 đồng mà ông Th nhận sang nhượng quyền sử dụng đất của ông L, bà Ng thì ông Th không khởi kiện trong vụ án này nên ông Nhiên không có ý kiến gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T về việc yêu cầu vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải trả số tiền là 12.350.000.000 đồng (*Mười hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 120.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 60.175.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000312 ngày 25 tháng 12 năm 2017. Số tiền án phí ông Th, bà T còn phải nộp là: 60.175.000 đồng (*Sáu mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 31/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LH đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-ND ngày 31/10/2018 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 02/11/2018, nguyên đơn ông Trần Văn Th kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Lâm Đồng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng trả nợ gốc 12.350.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như của đương sự là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị đơn vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng đã được Tòa án gửi giấy triệu tập cũng như quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm nhưng vợ chồng ông L, bà Ng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người kháng cáo nguyên đơn vợ chồng ông Th, bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Trần Thị Ánh L là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 20/8/2017, ngày 23/11/2017 giữa ông Trần Văn Th với vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng có lập giấy nhận nợ và giấy vay tiền. Thời hạn trả là ngày 20/12/2017. Nhưng đến hạn ông L, bà Ng không thanh toán nên ông Th, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng trả nợ gốc 12.350.000.000đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Th và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LH thì thấy rằng:

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 20/8/2017, ông Th và vợ chồng ông L, bà Ng có lập giấy vay tiền, theo đó ông Th cho vợ chồng ông L, bà Ng vay số tiền 7.350.00.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/12/2017 (giấy vay tiền bản gốc bút lục số 17).

Ngày 23/11/2017, tại Văn phòng công chứng Nguyễn ĐT vợ chồng ông L, bà Ng có lập giấy nhận nợ bản chính; theo nội dung giấy nhận nợ (bút lục số 18-19) thì ông L, bà Ng xác nhận có nợ ông Th số tiền 5.000.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông L, bà Ng không tham gia tố tụng tại Tòa án mà ủy quyền cho ông Hoàng Thế Nh là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn.

Theo Biên bản đối chất ngày 09/02/2018 (Bút lục số 34-35) thì ông Hoàng Thế Nh là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn cũng thừa nhận bị đơn có nợ nguyên đơn vợ chồng ông Th, bà T như nguyên đơn khởi kiện là đúng và đồng ý trả số nợ gốc là 12.350.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ về mức thu nhập của vợ chồng ông Th, bà T thông qua việc chăn nuôi gà có lợi nhuận

thấp và kết luận vợ chồng ông Th không có số tiền lớn cho vợ chồng ông L, bà Ng vay để làm căn cứ bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Do vậy, việc vợ chồng ông Th, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà Ng trả số nợ gốc là 12.350.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-ND ngày 31/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LH và chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Th, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bị đơn vợ chồng ông L, bà Ng phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Cụ thể vợ chồng ông L, bà Ng phải chịu án phí 12.350.000.000 đồng là $(112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \text{ của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt } 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 120.350.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.175.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0000312 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Trần Văn Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000820 ngày 09/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn Th và chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-ND ngày 31/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LH. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng.

- Buộc vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền nợ gốc là 12.350.000.000 đồng (Mười hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải chịu 120.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.175.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0000312 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Trần Văn Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000820 ngày 09/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. LH;
- CCTHADS H. LH;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân

